

Bản án số: 97/2019/HS-PT

Ngày: 28 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn, Ông Trần Đức Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 79/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Phạm Xuân H, Ngô Văn L, Đàm Văn M do có kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Phạm Xuân H, Ngô Văn L, Đàm Văn M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Xuân T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1995, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá biển; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình văn hóa: Lớp 9/12; con ông: Trần Văn N và bà Phạm Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 19/2015/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 07 tháng tù về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Trịnh Xuân N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1986, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ xây; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn

hóa: Lớp 11/12; con ông Trịnh Minh T (đã chết) và bà Phạm Thị L; có vợ Phạm Thị Thúy H và có 02 con sinh các năm 2016, năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Phạm Xuân H, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Quảng H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ điện; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông: Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị Hồng L và có 01 con năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 195/2012/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Ngô Văn L, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1993, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Quảng H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; con ông: Ngô Văn L (đã chết) và bà Võ Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Đàm Văn M, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1993, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: Thôn H, xã Quảng H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ xây; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Con ông: Không rõ; con bà Đàm Thị Đ; có vợ là Phạm Thị T và có 02 con sinh các năm 2015, năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019, được thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân Nam, Ngô Văn L, Đàm Văn M tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Trương Quang Thêm, Giám đốc Công ty Luật TNHH Một thành viên Xuân Thành, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2019, Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Ngô Văn L và Đàm Văn M vào quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị L ở cùng thôn gọi nước để uống, sau đó rủ nhau đánh bạc bằng hình thức “đánh phỏm” để trả

tiền nước, thuốc lá. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Phạm Xuân H đến nhà chị L để sửa bồn cầu thì thấy T, M, N và L đang đánh bài. Sau khi sửa ống nước xong thì H ra ngồi xem đánh bài. Thấy Trần Xuân T đánh hết tiền, H liền ngồi vào thay vị trí của T để đánh, còn T ngồi trên nệm chơi điện thoại. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì M, N, L và H chuyển sang đánh bạc bằng hình thức ba cây (cào tó), mậu mỗi ván 10.000 đồng, tó tó đa 30.000 đồng. Nam nói với M, L, H là thu tiền xâu mỗi ván 10.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng thì M, L, H đồng ý. Tổng số tiền xâu thu được khoảng 500.000 đồng, sau khi trả tiền nước, thuốc lá cho chủ quán còn lại 400.000 đồng thì N bảo T mang tiền đi mua ma túy loại hồng phiến về để cùng nhau sử dụng, lúc đó M, L, H đều nghe thấy và đồng ý. T lấy số tiền 400.000 đồng để vào túi quần bên phải và đi ra ngoài điện thoại cho một nam thanh niên tên Út Đ ở xóm Cồn Trọc, thôn Tú Loan, xã Quảng Hưng để hỏi mua ma túy loại hồng phiến với giá 400.000 đồng. Người thanh niên tên “Út Đ” đồng ý bán ma túy cho T. T điều khiển xe mô tô hãng YAMAHA, loại Sirius biển kiểm soát 73E1 – 208.20 (xe của Ngô Văn L) đến nhà người thanh niên tên “Út Đ” để mua ma túy. Khi đến sân nhà người thanh niên tên “Út Đ” thì Trinh lấy điện thoại ra gọi cho “Út Đ”, “Út Đ” mở hé cửa sổ để lấy 400.000 đồng rồi đưa cho T 04 viên ma túy loại hồng phiến được gói trong tờ giấy bạc. Nhận được ma túy, T điều khiển xe mô tô đưa ma túy về quán tạp hóa chị L. Vào quán, T lấy một vỏ chai nhựa nước ngọt loại 24/7 đục một lỗ và cắm tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng làm dụng cụ để sử dụng ma túy, sau đó, T lấy hai viên ma túy hồng phiến đặt trên tờ giấy bạc, dùng bật lửa đốt phía dưới và hít khói bay qua chai nhựa được đục lỗ cắm tờ tiền cuốn tròn làm ống hút. T cùng N, M, L sử dụng ma túy, Hải ngồi xem nhưng không sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng hết hai viên ma túy loại hồng phiến thì M, H, L, N tiếp tục đánh bạc, T gói hai viên ma túy còn lại vào tờ giấy bạc như cũ và cất giấu dưới nệm gần vị trí đánh bạc để sau đó sử dụng chung. Đến khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 06 tháng 01 năm 2019 thì bị lực lượng điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Quảng Trạch tiến hành kiểm tra theo kế hoạch đã bắt quả tang Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và Đàm Văn M về hành vi đánh bạc và tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 134/GĐ-PC09 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận: Mẫu ký hiệu A gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,214 g (không phải hai trăm mười bốn gam);

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ: 02 viên nén màu hồng dạng thuốc tân dược loại hồng phiến được niêm phong trong 01 bì thư số 134/GĐ-PC09 có chữ ký, khuôn dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình;

Thu giữ tại sòng bạc số tiền 1.845.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 1.586.000 đồng; thu giữ 100.000 đồng tiền các bị cáo đã trả cho chủ quán; 02 bộ bài Tulokho 52 cây đã qua sử dụng; 02 tấm thảm nệm hình hoa văn

nhiều màu sắc; 01 chai nhựa đục lỗ gắn xuyên tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73 E1 - 208.20, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen đỏ, số khung RLCS5C6J0-070154, số máy 5C6G-070176.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển các vật chứng tạm giữ liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo đến cơ quan Công an huyện Quảng Trạch để xử phạt vi phạm hành chính gồm: Số tiền 3.531.000 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng); 02 bộ bài Tulokhor 52 cây đã qua sử dụng; 02 tấm thảm nệm hình hoa văn nhiều màu sắc;

Cáo trạng số 16/CT-VKSQT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và Đàm Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án số 22/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và Đàm Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Hình phạt tù còn lại buộc bị cáo chấp hành là 11 (mười một) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân N 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Hình phạt tù còn lại buộc bị cáo chấp hành là 11 (mười một) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Hình phạt tù còn lại buộc bị cáo chấp hành là 11 (mười một) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L 10 (mười) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Hình phạt tù còn lại buộc bị cáo chấp hành là 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn M 10 (mười) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ 09 (chín) ngày từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Hình phạt tù còn lại buộc bị cáo chấp hành là 09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư số 134/GĐ-PC09 do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình niêm phong ngày 08 tháng 01 năm 2019 mẫu ký hiệu A, bên trong chứa chất ma túy và 01 chai nhựa đục lỗ gắn xuyên tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Ngô Văn L: 01 xe mô tô biển kiểm soát 73 E1 - 208.20, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen đỏ, số khung RLCS5C6J0-070154, số máy 5C6G-070176 đã qua sử dụng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên buộc các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và Đàm Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 05 tháng 8 năm 2019 các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L có đơn kháng cáo xin xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ; ngày 07 tháng 8 năm 2019 bị cáo Phạm Xuân H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L giữ nguyên kháng cáo xin được xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Phạm Xuân H giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L cho rằng các bị cáo phạm tội do bị hạn chế về nhận thức, khối lượng chất ma túy mà các bị cáo cất giữ, tàng trữ chỉ 0,214g loại Methamphetamine, theo các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo này được hưởng, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo. Đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù thì cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo được làm việc, có thu nhập chăm lo cuộc sống gia đình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và giữ y Bản án sơ thẩm vì ngoài hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H còn bị xử lý hành chính về hành vi “Đánh bạc”; các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L còn có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng

không bị xem xét xử lý, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không có thêm tình tiết mới chưa được Bản án sơ thẩm xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo diễn biến nội dung vụ án thì số tiền 400.000 đồng mà Trần Xuân T đưa đi mua ma túy là góp (tiền sâu) từ các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H mỗi ván đánh bạc 10.000 đồng. Các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H đều biết và thấy Trần Xuân T mua về 4 viên nén ma túy rồi lấy ra 2 viên cho các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L cùng sử dụng, còn lại 2 viên Trần Xuân T gói lại cất dưới nệm nơi các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H ngồi đánh bạc để sử dụng sau nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật vụ án bị thu giữ, Kết luận giám định loại ma túy, trọng lượng chất ma túy, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H có đủ yếu tố cấu thành của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự 2015), Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin được xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Xuân H, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có đủ nhận thức và biết được tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy, biết được mọi hành vi có liên quan đến tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm và bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chịu hình phạt rất nghiêm khắc nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H bị truy tố và xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, có hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Theo khối lượng 0,214 gam chất ma túy là Methamphetamine mà các bị cáo đang tàng trữ trái phép bị bắt quả tang cùng với hành vi “Đánh bạc” do chưa đủ tang số để truy cứu trách nhiệm hình sự bị lập hồ sơ xử phạt hành chính và tình tiết giảm nhẹ theo

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà các bị cáo được hưởng, Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo các Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Phạm Xuân H mức án 12 tháng tù; xử phạt các bị cáo Đàm Văn M, Ngô Văn L mức án 10 tháng tù là thoả đáng, không nặng. Các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không có thêm tình tiết mới chưa được Bản án sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H.

Các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu Án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Người có tên “Út Đ” bán trái phép chất ma túy cho Trần Xuân T, kết quả điều tra xác định họ tên đầy đủ là Nguyễn Đức T, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hiện không có mặt tại địa phương nên không xem xét, xử lý theo vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, mức nộp Án phí vụ án hình sự phúc thẩm;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H và giữ y Bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Phạm Xuân H.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân N 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Ngô Văn L, Đàm Văn M.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L 10 (mười) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Đàm Văn M 10 (mười) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 01 năm 2019. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo Trần Xuân T, Trịnh Xuân N, Đàm Văn M, Ngô Văn L, Phạm Xuân H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (28 tháng 10 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp QB;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Xuân Việt